

NHẬN THỨC LẠI TOÀN CẦU HÓA VÀ CHỈ SỐ TOÀN CẦU HÓA CỦA VIỆT NAM TRONG 72 NƯỚC NĂM 2007

HỒ SĨ QUÝ (*)

Đằng sau môn kinh tế học phức tạp, toàn cầu hóa đã tạo ra một kết quả cực kỳ giản đơn: sự thịnh vượng của bất kỳ một nước nào trong hệ thống thương mại toàn cầu ngày càng lệ thuộc vào sự thịnh vượng của các nước khác

Human Development Report 2005

LTS: Nếu trước đây, toàn cầu hóa (TCH) hiện ra trong nhận thức chủ yếu là một hiện tượng đa diện, phức tạp, không dễ nắm bắt, thì ngày nay TCH dường như đã lộ diện một cách rõ hơn, dễ nhận biết hơn với những ảnh hưởng, ý nghĩa (thuận và nghịch) ít nhiều có thể đo đếm được. Bảng chỉ số TCH 2007 là một cố gắng lượng hóa trình độ TCH của các quốc gia theo hướng đó. Thực tế ngày càng chỉ ra rằng, TCH, dù nhìn từ góc độ nào cũng không phải là sản phẩm nảy sinh từ ý muốn chủ quan của các cường quốc hay của một thế lực nào khác (dù thiện ý hay không thiện ý), mà trước hết, nó là kết quả khách quan của sự phát triển kinh tế thế giới cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Bởi vậy, về cơ bản, TCH là một hiện tượng đi theo logic của tiến bộ xã hội. Nhưng cũng giống như mọi nấc thang tiến bộ khác, không có bước tiến bộ nào thuận tuý bằng phẳng, giản đơn. Để tiến bộ, đôi khi sự phát triển lại phải đi theo những lối quanh co, thậm chí, những bước thụt lùi với những cái giá phải trả có thể sẽ rất đắt nếu như các chính phủ thiếu tầm nhìn xa và không kịp thời đưa ra được những quyết sách thông minh. Với nội dung chính như vậy, bài viết bàn tới 6 vấn đề: 1/ Thời điểm xuất hiện TCH, 2/ Bộ mặt của TCH, 3/ TCH và tình trạng đói nghèo, 4/ Vấn đề TCH văn hoá, 5/ TCH ở châu Á, 6/ Chỉ số toàn cầu hoá.

Trong bảng xếp hạng chỉ số TCH 2007, Việt Nam xếp thứ 48/72 quốc gia và vùng lãnh thổ. Vị trí 48/72 là một khích lệ lớn đối với mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Vấn đề là ở chỗ, ở những bước đầu tiên vào hội nhập toàn cầu, Việt Nam hầu như chưa có những trải nghiệm hội nhập kinh tế quốc tế. Còn ngày nay, hành trang để đi những bước tiếp theo, phải nói rằng, đã có ít nhiều.

Tạp chí Thông tin KHXH xin đăng bài này trong hai kỳ: số 2 và số 3/2008.

I. Vấn đề thời điểm xuất hiện toàn cầu hóa

1. Sau vài thập niên thảo luận, lịch sử TCH dường như dài hơn, khi thời điểm xuất hiện của nó được các nhà

nghiên cứu xác định ngày càng lùi xa hơn về quá khứ. Lúc đầu, toàn cầu hoá được hiểu là một hiện tượng mới của thế

(*) PGS., TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội.
<http://hosiquy.com>. Email: hosiquy@fpt.vn

giới hiện đại ra đời cùng với việc gia tăng kinh tế thương mại nhờ xuất hiện các công ty đa quốc gia, liên quốc gia sau Chiến tranh thế giới II và từ lúc thuật ngữ “toàn cầu hoá” được sử dụng phổ biến hơn sau những năm 60 của thế kỷ trước. Sau đó, khi nhận ra nhiều nội dung của toàn cầu hoá đã có từ lâu trong quan niệm về *các vấn đề toàn cầu*, hoặc về *các thể chế quốc tế hoá*, người ta nhận thấy việc sử dụng vàng làm bản vị trao đổi (*Gold Standard, 1870*) giữa các loại tiền tệ cùng với sự bành trướng của đế quốc Anh hồi thế kỷ XIX đã có ý nghĩa như một sự khởi đầu TCH. Khi mở rộng quan niệm về toàn cầu hoá ra ngoài các nội dung thương mại, người ta lại thấy cuộc vượt biển tìm ra châu Mỹ của Christopher Columbus năm 1492, hay chuyến thám hiểm vòng quanh thế giới của Ferdinand Magellan năm 1522 cũng chính là những hình thức rất điển hình của toàn cầu hoá. Nhưng nếu công nhận Columbus hay Magellan là thủy tổ của hiện tượng toàn cầu hoá, thì cũng tương tự như thế, người ta khó có thể phủ nhận, TCH phải chăng đã bắt đầu từ khi các “thương nhân lạc đà” vào thế kỷ thứ 2 trước công nguyên khai thông “con đường tơ lụa” với chiều dài khoảng 7000 cây số nối liền phương Đông với phương Tây.

2. Quả thực, việc xác định thời điểm xuất hiện TCH ở hầu hết các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp đều có những lý lẽ khó bác bỏ. Nhưng nếu kéo lùi lịch sử TCH đến tận “con đường tơ lụa” thì *vấn đề sẽ trở nên kém ý nghĩa hoặc chuyển sang ý nghĩa khác*. Bởi vậy, chúng tôi chú ý đến ý kiến của Thomas L. Friedman (dù chỉ là một nhà báo, nhưng uy tín của ông khi phát ngôn về những vấn đề toàn cầu thì chính học giả

uyên bác Joseph E. Stiglitz cũng phải coi là có giá trị). Trong “Chiếc Lexus và cây Ôliu” 1999, Friedman chọn thời điểm bức tường Berlin sụp đổ năm 1989 và dùng hình tượng “thế giới tròn 10 tuổi” để chỉ TCH với sự mới mẻ của nó. Trong “Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI”, 2005, Friedman tiếp tục khẳng định *ý nghĩa của giai đoạn lịch sử hiện đại này* bằng việc chọn thời điểm năm 2000 với sự ra đời của Internet và thương mại điện tử làm mốc để đánh giá. Theo Friedman, hiện thời thế giới đang ở trong giai đoạn TCH “ba chấm không” (3.0). Nghĩa là, “chúng ta đang ở trong một hệ thống quốc tế mới. Hệ thống này có logic, có quy luật, có áp lực và có động lực riêng của nó - nó đáng được gọi bằng cái tên riêng - TCH” (6. tr. 26-27). Friedman đã phân tích những quan hệ kinh tế - xã hội phức tạp do sự xuất hiện của các liên kết toàn cầu để làm rõ quan điểm này. Con số mà Friedman dẫn ra làm minh chứng là, nếu ở thời điểm năm 1975, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của toàn thế giới chỉ vón vện có 23 tỷ USD, thì đến năm 1997 con số đó đã là 644 tỷ USD, gấp 28 lần nhiều hơn. Gần đây, theo công bố của *Tổ chức Thương mại và Phát triển* (UNTAD) thuộc Liên Hợp Quốc, FDI toàn cầu năm 2000 đã lên tới 1.400 tỷ USD, và năm 2007 đã tăng đến mức kỷ lục là 1.538 tỷ USD (Xem thêm: 25).

3. Con số FDI trước hết thể hiện khối lượng và giá trị của các liên kết kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, thông qua khối lượng và giá trị, con số đó cũng gián tiếp bộc lộ quy mô và trình độ của các liên kết. Với tỷ lệ 23/1500, nếu

không tính tới sự mất giá của đồng đô la Mỹ thì sau hơn 30 năm, giá trị các liên kết kinh tế toàn cầu đã tăng hơn 65 lần. Ẩn giấu bên trong và đằng sau các liên kết kinh tế đó, là các liên kết khác (bao gồm cả sự liên minh, hợp tác, thoả hiệp, cạnh tranh, đối đầu, mâu thuẫn...) về xã hội và chính trị... Trong TCH, mọi liên kết này đều gia tăng theo nhiều chiều hướng khác nhau. Nghĩa là, TCH ở hai thập niên gần đây là một thứ TCH rất khác; nếu chưa phải là khác về chất, thì cũng không biết có còn là khác về lượng hay không. Rõ ràng, phải đến hai thập niên gần đây, các liên kết toàn cầu mới đạt tới quy mô, khối lượng và trình độ như ta hình dung ngày nay. Dưới tác động của TCH, thế giới “co lại”, “nhỏ dần” và trở nên “phẳng”, nếu chấp nhận cách diễn đạt “rất Tây” của Thomas L. Friedman.

Khó có thể phủ nhận, lịch sử TCH trước hết thuộc về lịch sử của xã hội hiện đại.

II. Bộ mặt của toàn cầu hóa

1. Vài năm gần đây, những nhận xét về TCH mà ta thường bắt gặp hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng, phần lớn là những nhận xét trái chiều: *Mặt trái của TCH đang lấn át những tác động tích cực của các quá trình liên kết xuyên quốc gia. Chương trình nghị sự thương mại khởi xướng từ vòng đàm phán Doha 2001 vẫn bế tắc. Các dòng vốn đang ngâm di chuyển theo bàn tay chỉ huy của chủ nghĩa bảo hộ biến tướng cả ở phạm vi quốc tế và quốc gia. Tự do hóa khu vực dịch vụ của EU gặp quá nhiều trở ngại - tham vọng nhất thể hóa châu Âu vẫn còn khá xa vời. Tiến trình thương mại tự do châu*

Mỹ vẫn giẫm chân trong trì trệ. Nam Mỹ hưởng ứng Diễn đàn xã hội toàn cầu (WSF) tích cực hơn là tham gia Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF). Các nền văn hóa truyền thống ngày càng mai một trước TCH; khắp nơi, văn hóa bản địa bị xâm hại. Làn sóng di trú gia tăng từ khắp các châu lục. Chính trị thế giới quá phụ thuộc vào Mỹ; lợi ích của Mỹ chi phối bàn cờ chính trị thế giới. Tình trạng đói nghèo, bất bình đẳng, mất an toàn và tha hóa... đang có dấu hiệu ngày càng trầm trọng thêm (Xem thêm: 16).

Phải thừa nhận rằng, tất cả những nhận xét đó đều hết sức nghiêm túc và có trách nhiệm. Trong một số trường hợp, trách nhiệm với TCH còn được thể hiện dưới dạng những tiếng kêu cứu của một số tổ chức phi chính phủ, một số chính khách... xuất phát từ lập trường của những người hưởng ứng *Diễn đàn xã hội thế giới* (WSF) (Xem: 23, 28), nhằm ủng hộ người nghèo, nước nghèo, ủng hộ việc cứu giữ các bản sắc văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, sự thật phản ánh trong các nhận xét nêu trên mới chỉ là một bộ mặt, có thể gọi là mặt trái, mặt tiêu cực, mặt “chưa như mong muốn” hay “mặt khó tránh” của TCH. Vì thế, cũng hoàn toàn nghiêm túc và trách nhiệm khi nhiều người vẫn nói ngược lại rằng, điều quan trọng hơn là phải nhìn TCH từ phương diện khác, có thể là phương diện chủ đạo, được quy định bởi lý do tồn tại của chính hiện tượng phức tạp này (TCH), đặc biệt, khi lưu ý đến tác động của TCH ở khu vực Đông Nam Á, Đông Á, hay Tây Âu. Và, nếu nhìn bằng quan điểm như thế, TCH sẽ hiện ra với một bộ mặt khác, như một

đối tượng cần và đáng chinh phục. Trên thực tế, không ít chính phủ và các tổ chức xã hội, các nhà hoạch định chiến lược và kế sách phát triển xã hội... (không chỉ ở Việt Nam) đã và đang nhìn TCH như vậy.

2. Đến nay, nếu tính từ cuối thập niên 80 (thế kỷ XX), thời gian mà TCH tác động một cách dồn dập đến đời sống nhân loại mới chỉ khoảng 20 năm. 20 năm, nhưng những gì mà TCH đem lại thì đã đủ xác nhận rằng, trên thực tế, *TCH có ý nghĩa không hề kém những cuộc cách mạng xã hội thực sự*, thậm chí, về phương diện phạm vi ảnh hưởng, TCH còn tác động đến một không gian rộng lớn hơn bất kỳ một cuộc cách mạng nào khác trong lịch sử. Về điều này, Amartya Sen, GS. Đại học Cambridge, Mỹ, người đoạt giải Nobel kinh tế 1998 cũng có ý kiến tương tự (Xem: 21).

TCH đã tạo ra một bộ mặt mới của thế giới, dĩ nhiên, cùng với và dựa vào những tiến bộ khác, mà trước hết là tiến bộ khoa học - công nghệ, tiến bộ kinh tế (nhưng tuyệt nhiên không có nghĩa “toàn cầu hoá chẳng qua chỉ là những tiến bộ kinh tế và khoa học công nghệ được nhìn từ góc độ khác”). Sức mạnh của TCH là sức mạnh có thật được tạo ra từ những liên kết, hợp tác, cạnh tranh, và cả đối đầu nữa. Trong vòng 10 năm qua, giá trị thương mại thế giới đã tăng gần gấp đôi, vượt quá con số 10.000 tỷ USD năm 2005 với tốc độ tăng trưởng thực tế ở năm cao nhất (2004) là 9%. FDI toàn cầu năm 2000 là 1.400 tỷ USD, và năm 2007 là 1.538 tỷ USD. Tỷ trọng xuất khẩu trong GDP toàn cầu và trong GDP của hầu hết các nước và các khu vực đều tăng lạc quan hơn nhiều so

với các dự báo trước đó - Đông Á: tăng trên 50%; Cận Sahara và châu Phi tăng trên 30%; Mỹ Latin và Caribe tăng trên 20%; Nam Á tăng gần 20%. Ở châu Á, TCH đã góp phần làm giảm đáng kể tình trạng đói nghèo (đặc biệt ở Việt Nam, tỷ lệ nghèo đã giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 24,1% năm 2004 và 14,8% năm 2007), tăng lớp trung lưu tăng nhanh ở Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia (*)... Riêng với Việt Nam, sau khi gia nhập WTO, trong năm 2007, nền kinh tế tăng trưởng 8,5%, cao nhất trong 10 năm qua; đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) lên tới 20,3 tỷ USD, bằng tổng mức thu hút FDI trong suốt 5 năm 2000-2005; kim ngạch xuất khẩu đạt gần 50 tỷ USD tăng 21,5% so với năm 2006 (Xem: 12).

Những số liệu ấn tượng vừa nêu là những chỉ báo trực tiếp thể hiện bộ mặt của toàn cầu hoá. Nhưng, vấn đề không nằm ở chỗ nền kinh tế thế giới tăng tỷ trọng thương mại hay tăng giá trị thương mại, càng không phải là việc châu Á bớt đói nghèo hay Việt Nam tăng tưởng cao hơn, mà quan trọng hơn, *thế giới đã trở nên liên kết hơn, gắn bó với nhau hơn không chỉ về kinh tế mà còn cả về phương diện xã hội* (Các chuyên gia WB cho rằng, *gắn kết xã hội* là một nhân tố thiết yếu góp phần làm cho Đông Á đang phục hưng, cũng giống như châu Âu đã Phục hưng hồi 6 thế kỷ trước (Xem: 8, tr.3).

3. Sự phụ thuộc lẫn nhau là kết quả đặc biệt rõ của TCH. Thương mại quốc tế chi phối mức sống của cả nước giàu

(*) Những số liệu kinh tế và đói nghèo ở đoạn này soạn theo: 26. tr.114, 115// 8// 1. tr. 23-24// 2// 17// 25.

lẫn nước nghèo. Mặc dù sự phụ thuộc lẫn nhau mang tính bất đối xứng (asymmetry): nước nghèo bị lệ thuộc nhiều hơn vào nước giàu, các nước đang phát triển bị lệ thuộc nhiều hơn vào các nước công nghiệp. Nghĩa là sự thua thiệt rơi vào các nước kém phát triển. Tuy vậy, các nước giàu muốn giàu thêm cũng buộc phải làm cho các nước nghèo tăng trưởng tương đối hoặc không bị “giảm chân tại chỗ”. Các chuyên gia UNDP nhận xét: “Đằng sau môn kinh tế học phức tạp, TCH đã tạo ra một kết quả cực kỳ giản đơn: sự thịnh vượng của bất kỳ một nước nào trong hệ thống thương mại toàn cầu ngày càng lệ thuộc vào sự thịnh vượng của các nước khác” (26. tr. 114-115). Hiện tượng tăng trưởng thô bạo (ruthless growth): nước giàu sẽ giàu thêm trong khi các nước nghèo ngày một kiệt quệ, có thể, đã không thể tồn tại như trước được nữa. Không phải vì lòng tốt của những nước giàu. Mà vì logic tất yếu của sự tăng trưởng toàn cầu buộc các nước giàu phải quan tâm tới thị trường và nguồn lực bên ngoài biên giới của mình. Dĩ nhiên, khoảng cách giàu nghèo vẫn đang gia tăng một cách đáng ngại, nhưng các nước nghèo cũng không thể tiếp tục cứ nghèo như trước. Mà là nghèo tương đối trong tương quan với nước giàu ở một khoảng cách giàu nghèo ngày một dãn rộng.

4. Trong khoảng cách giàu nghèo vẫn đang gia tăng này, có một vài quốc gia đi sau đang bứt phá và vượt lên. Việt Nam là một trường hợp được cộng đồng thế giới đánh giá như thế. Tuy trở thành một nước công nghiệp không phải là một lộ trình bằng phẳng và giản đơn. Bài học của Thailand và Philipines - sau

vài thập niên phát triển năng động nhưng vẫn chưa phải là một Hàn Quốc ở Đông Nam Á là một ví dụ. Nhưng với Việt Nam, cho tới nay, TCH rõ ràng đã được sử dụng ở nhiều lợi thế tích cực của nó. Những cơ hội phát triển, theo một số đánh giá từ bên ngoài, đã được nắm bắt và tận dụng khá hiệu quả. “Ra tới đường băng và chờ cất cánh” là hình tượng được dành để nói về Việt Nam. Điều này đặc biệt đáng chú ý nếu không quên rằng, ở Việt Nam, mặt trái của TCH cũng là một chủ đề được thảo luận và cảnh báo thường xuyên trên báo chí và cũng như trong các chương trình nghị sự.

III. Toàn cầu hóa và tình trạng đói nghèo

1. Mặc dù TCH đang ngày càng được nhìn nhận ở ý nghĩa tích cực của nó, nhưng cái làm người ta khó hiểu lại là, tại sao những điều mà TCH đã làm tốt cho thế giới chẳng những không làm nguội đi mà ngược lại còn làm nóng thêm làn sóng phản đối trên khắp thế giới. Diễn đàn xã hội toàn cầu (WSF) là nơi hàng năm, các nhà hoạt động chính trị - xã hội, các tổ chức NGOs, các nhân vật đại diện cho những cộng đồng dễ gặp rủi ro, yếm thế... trực tiếp bày tỏ sự đối đầu với diễn đàn Davos, tức là đối đầu với TCH. Điều thú vị là, tham gia diễn đàn WSF còn có cả đại diện của những người đang ủng hộ Davos. Hai hiện tượng mà người ta kết tội cho TCH đã làm hỏng thế giới là *làm sâu thêm hố ngăn cách giàu nghèo và xóa nhòa các bản sắc văn hóa riêng*.

2. Về hiện tượng thứ nhất, dường như cả thế giới đều nhất trí: đúng là TCH đã và còn đang tiếp tục làm cho

các quốc gia và toàn thế giới chia thành hai nửa riêng biệt, một bên là thế giới của người giàu và một bên là thế giới của người nghèo. Tại Mỹ, năm 2006, theo thống kê của Cơ quan dịch vụ thu nhập nội địa, chỉ riêng thu nhập của 1% người giàu nhất đã chiếm tới 21,2% tổng thu nhập của toàn nước Mỹ, tăng cao so với mức 19% năm 2004. Ngược lại, thu nhập của 50% người nghèo nhất nước Mỹ lại chỉ chiếm 12,8% so với 13,4% năm 2004. Mức chênh lệch này ở Mỹ là cao nhất trong 25 năm qua (Xem: 18).

3. Ở Việt Nam, năm 2007, mức chênh lệch giàu nghèo và tiêu dùng xã hội phản ánh qua chỉ số GINI là 36,2, cao hơn cả những nước giàu có nhất thế giới như Na Uy 25,8; Nhật Bản 24,9. Chỉ số này chỉ thấp hơn Trung Quốc 40,3 và Nga 45,6, những nước có nền kinh tế cũng đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam. Giám đốc Công ty nghiên cứu thị trường toàn cầu đang làm việc tại Việt Nam ngạc nhiên khi thấy một bộ phận người Việt Nam có thể mua sắm các loại hàng hoá đắt tiền dễ dàng hơn cả ở những nước giàu có. Trên các đường phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, những chiếc xe hơi “siêu sang”, đắt tiền nhất thế giới còn nhiều hơn cả ở Bangkok, nơi có thu nhập cao hơn Việt Nam gấp mấy lần. Trong khi đó, chênh lệch giữa hai nhóm 20% người nghèo nhất và 20% người giàu nhất là 7%/40% được hưởng lợi ích an sinh xã hội, 2%/47% được hưởng lương hưu, 7%/45% được trợ cấp y tế, 15%/35% được hưởng trợ cấp giáo dục. Về mức độ nghiêm trọng của tình trạng nghèo đói, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội còn cho biết, cuối 2006 cả nước còn 58 huyện có tỉ lệ nghèo trên 50%, trong đó

27 huyện có tỉ lệ hộ nghèo trên 60%, 10 huyện trên 70% và 1 huyện có tỉ lệ hộ nghèo trên 80% (Xem: 17).

4. Điều tệ hại là ở chỗ, người nghèo “bị chìm trong văn hóa của sự nghèo khó” (thuật ngữ của Michael Harrington phản ánh thực chất của một xã hội phân hoá thành giàu sang và nghèo khó (Xem: 10. tr. 11) và trong một quốc gia, dù người nghèo và người giàu “cùng nói một thứ tiếng nhưng lại hoàn toàn không hiểu được nhau” (Thomas L. Friedman) (6. tr. 514). Để thanh toán nghèo khó, về đại thể, thế giới không phải không tìm ra các phương thức khả thi. Nhưng điều nan giải nằm ở thái độ của người có khả năng giải quyết vấn đề: nước giàu, người giàu không thực sự muốn xoá bỏ nghèo đói, *họ coi cách biệt giàu nghèo là “ý Chúa”, thậm chí, phân hóa giàu nghèo còn được xem là một cách thức để phát triển*. Nhiều diễn đàn, hội nghị ở tầm thế giới, trong đó cả những hội nghị thượng đỉnh G7 hay G8 thảo luận về giải quyết vấn nạn đói nghèo. Những quyết sách được đưa ra, tuy cũng rất có ý nghĩa (chẳng hạn 7/2005, Hội nghị thượng đỉnh G8 họp tại Scotland đã xoá khoản nợ 40 tỷ USD và cho vay tiếp 50 tỷ USD cho khu vực châu Phi) tuy nhiên, những quyết định như vậy, nhiều lắm cũng mới chỉ là giải pháp tình thế cho những phạm vi cục bộ. Nhân loại chắc chắn còn phải chung sống dài lâu với hố ngăn cách giàu nghèo.

IV. Toàn cầu hóa văn hóa

Về hiện tượng thứ hai, câu hỏi đặt lên là *có toàn cầu hoá văn hóa hay không?* Ở đây, cộng đồng thế giới cũng như các nhà nghiên cứu không có tiếng nói chung.

1. Những người lên án TCH văn hóa tin là TCH về kinh tế tất yếu sẽ kéo theo TCH văn hóa và cho rằng, trong thực tế, quá trình TCH đang gặm nhấm nốt địa hạt cuối cùng của nó là văn hóa. Khắp nơi, từ Đông Á đến Tây Âu, từ Mỹ Latin đến Trung Đông, từ vùng văn hoá Kitô giáo đến vùng văn hoá Phật giáo, Hồi giáo... đâu đâu người ta cũng thấy văn hóa kiểu Mỹ (không nhất thiết phải có nguồn gốc Mỹ) tràn ngập và lấn chiếm thị phần: Đồ ăn nhanh McDonald's, hệ điều hành Windows, phim Mỹ, quần bò Levis, nhạc Rock, Rap..., thậm chí, cả dân chủ theo tiêu chuẩn Mỹ, chính khách theo phong cách Mỹ... Tất cả, dường như đang bị cuốn theo hệ thống những những giá trị kiểu Mỹ. "Ngày nay TCH thường có cái tai của chuột Mickey", Friedman đã hài hước nói như vậy. Nguy hiểm hơn, lối tiêu dùng văn hóa này được xem như thời thượng, đối lập với những giá trị của châu Âu bị "chụp mũ" là "già cỗi" (secular), và cả với những giá trị châu Á bị coi là "bí hiểm" (mystical). Nỗi lo toàn cầu hoá sẽ giết chết những bản sắc văn hóa đã được tạo dựng hàng ngàn năm ở các xã hội truyền thống là nỗi lo thường trực hằng ngày.

Người ta lo ngại "sự tận cùng của lịch sử" (Francis Fukuyama (Xem: 4) đã bắt đầu bằng việc xóa nhòa hoặc thương mại hóa bản sắc độc đáo của từng dân tộc, thô tục hoá và làm khủng hoảng các tiêu chí văn hoá kinh điển đầy tinh thần nhân đạo của châu Âu, làm cùn mòn và mai một các truyền thống mang nặng giá trị trách nhiệm xã hội của châu Á, làm thô thiển và méo mó các quan niệm đầy ý nghĩa tâm linh của vùng Trung

cận Đông. Nói cách khác, trong con mắt của cái nhìn truyền thống, "sự lựa chọn thiển cận" (Xem 9, 5, 13) của thời TCH đã đẻ ra những thứ "văn hóa fastfood", "văn hóa nồi hầm nhừ" (fast-food culture, stewing-pot culture).

2. Tuy nhiên sau vài chục năm chứng kiến giao lưu, tiếp biến của các loại văn hoá, dần dần đã xuất hiện ngày càng đông những người không quá lo ngại về sự mai một của văn hoá truyền thống. "Chúng sống hoà bình" giữa các văn hoá là có thực. Và người ta nhận ra, logic của cái mất đi và cái sẽ còn lại, dường như cũng không đến nỗi quá nghiệt ngã. Có mấy nguyên nhân:

- Trên thực tế, những loại văn hoá đang tràn lan phổ biến do TCH, phần lớn, mới chỉ là văn hoá tiêu dùng; nghĩa là chỉ là một phần rất nhỏ, rất không bản chất của văn hoá nói chung. Ở tầng sâu của đời sống con người, văn hoá với tính cách là tổng hòa các giá trị sống, luôn tỏ ra là định hình hơn, bền vững hơn, so với những thứ văn hoá tiêu dùng có thể du nhập và cập nhật được trong thời toàn cầu hoá. Ngày nay thanh niên châu Á có thể mê nhạc Rock, thích phim Mỹ, ưa đồ ăn McDonald's, giao tiếp thường xuyên qua mạng với bạn bè trên khắp thế giới, tuy nhiên, trong sâu thẳm, họ vẫn khó lẩn với thanh niên châu Âu. Bảng giá trị của họ về đại thể, vẫn không thoát ra khỏi bảng giá trị mang nặng dấu ấn cộng đồng. Thậm chí điều này còn được thừa nhận ngay cả ở những cộng đồng người Mỹ gốc Á: quốc tịch Mỹ, văn hóa Mỹ, lối sống Mỹ, nhưng tâm lý, lối tư duy, xu hướng lựa chọn giá trị sống... vẫn thể hiện khá rõ cội nguồn bản địa xưa. Ngày nay, đồ ăn

Trung Quốc dường như đã có mặt ở khắp các nước phương Tây, nhưng văn hoá Khổng giáo vẫn khá xa lạ với người Âu Mỹ. Cũng tương tự như vậy, văn hoá doanh nghiệp Âu Mỹ hiện đã khá phổ biến ở châu Á, nhưng cũng rất khó làm thay đổi thái độ làm ngơ trước tham nhũng ở châu Á, hay cũng không vô hiệu hóa nổi quan hệ kiểu tư bản thân thiện (crony capitalism) xuất hiện phổ biến hơn ở khu vực châu Á và Trung Đông.

- Những di sản thuộc bản sắc văn hoá các dân tộc, nét độc đáo, dị biệt của các cộng đồng có bề dày truyền thống, trên thực tế, không dễ mai một, ngay cả khi nó xấu, và cũng không dễ phổ biến, không dễ “TCH”, ngay cả khi nó tốt. Điều này thực ra không mới, bởi nó đã được khẳng định và kiểm chứng qua nhiều thời đại. Chẳng phải ngẫu nhiên mà Kipling lâu nay vẫn nổi tiếng với câu thơ bất hủ “Đông vẫn là Đông còn Tây vẫn là Tây” (Xem: 14). Nhưng trong cơn lốc quá mạnh của quá trình TCH đôi khi người ta không đủ vững tin vào sự bền vững của văn hoá. Logic này của văn hóa chính là cái cớ để Samuel Huntington thổi phồng vai trò của bản sắc, của tôn giáo trong các xung đột chính trị hiện đại (Xem: 11).

- Văn hoá xưa nay vẫn đến với mọi dân tộc bằng con đường giao lưu, tiếp biến và điều đó chủ yếu làm cho thế giới tốt hơn. Hầu hết các nhà văn hóa lớn đều nói như vậy. Bản lĩnh văn hoá của mỗi dân tộc cũng như của mỗi cộng đồng thường có sẵn những “bộ lọc” ngăn cản hoặc làm cho các giá trị không phù hợp sẽ dần tan theo thời gian. Những mâu thuẫn, đối đầu, kỳ thị, nếu có, trên thực tế vẫn nằm ngoài văn hoá. Trong lịch sử

và cả ngày nay cũng thế, nếu văn hoá có mặt trong các âm mưu, thì đó là do người ta thường phải mượn văn hoá để che đậy cho những toan tính thực chất là về phương diện khác, chính trị, kinh tế chẳng hạn. Văn hoá, kể cả văn hoá làm người hay văn hóa tiêu dùng, bản thân nó, không phải là điều ác. Thành thử, đối xử với văn hoá ngoại sinh, ngoại lai là cả một nghệ thuật. Các biện pháp hành chính, cưỡng bức lâu nay không tỏ ra là biện pháp tốt. ấy là chưa kể, đôi khi chúng còn trở thành “mảnh đất thuận cho sự nổi loạn của văn hoá”, nhất là những thứ văn hoá làm hạ cấp tư tưởng, làm thô tục hoá cái thiêng liêng, làm vô văn hoá lớp người đáng ra phải có văn hóa (Xem: 22). Nhưng TCH chắc chắn không phải là điểm kết thúc cho sự khác biệt về văn hóa.

Theo chúng tôi, trong TCH, có những thứ văn hoá sẽ mai một rồi biến mất theo thời gian, có những thứ văn hoá bị pha tạp hoặc đổi thay rồi định hình dưới một dạng khác, đồng thời cũng có những thứ văn hóa sẽ ngày càng “hợp thời” rồi phổ biến trên khắp thế giới - cái được gọi không thật chính xác là “toàn cầu hoá văn hóa”. Nhưng văn hoá theo nghĩa căn bản hơn, tức là văn hoá của các dân tộc, hay giá trị, phong cách, lối tư duy... định hướng nhân sinh quan của các cộng đồng, luôn đi theo logic bên trong của nó là đòi hỏi phải khác biệt nên khó có thể chạy theo logic của TCH. Nói cách khác, trong phạm vi này, không có cái gọi là “TCH văn hóa”. “Sự cùng tồn tại của các nền văn hoá là điều kiện cơ bản cho sự phát triển của chúng” (Lưu Hướng Đông, 2001) (Xem:3). Vả lại, xưa nay, giao lưu

kinh tế không bao giờ đòi hỏi phải dựa trên sự đồng nhất về văn hoá. Ngược lại, chính sự khác biệt về văn hóa lại là chất xúc tác thúc đẩy sự giao lưu, trao đổi, buôn bán... kích thích loài người xích lại gần nhau.

(còn nữa)

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ KH&ĐT. *Tuần tin kinh tế - xã hội* số 3 (60) 2007.
2. Chính phủ CHXHCN Việt Nam (2005). *Báo cáo thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ của Việt Nam*. <http://www.va21.org/uploads/File/Chinh%20sach/mdg04v.pdf>.
3. Lưu Hướng Đông. Thi ca và toàn cầu hóa. *Tham luận tại mùa thu thơ Varsava* lần thứ 30. *Báo Văn nghệ* số 45 ngày 10/11/2001.
4. Fukuyama, Francis. *The End of History and the Last Man*. Harper Perennial, 1992.
5. Fuller, Graham: *Old Europe – or Old America*. In: International Herald Tribune, 12/2/2003 (<http://www.digitalnpq.org/archive/2003spring/fuller.html>).
6. Friedman, Thomas L. *Chiếc xe Lexus và cây Ôliu. Toàn cầu hóa là gì?* H.: Khoa học xã hội, 2005.
7. Friedman, Thomas L. *Thế giới phẳng. Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI*. Nxb. Trẻ. 2006.
8. Gill Indermit, Kharas Homi. *Đông Á phục hưng. Ý tưởng phát triển kinh tế*. H.: Văn hoá - Thông tin, 2007.
9. Halman Loek, Draulans, Veerle. *How secular is Europe?* The British Journal of Sociology, June 2006, Vol. 57, No. 2. pp. 263-288.
10. Harrington Michael. *Có một nước Mỹ khác. Sự nghèo khó ở Hoa Kỳ*. H.: Tri thức, 2005.
11. Huntington Samuel P. *Culture Clash Continued. New Perspective Quaterly*, Winter 2007.
12. Phạm Huyền. *Dấu ấn một năm Việt Nam gia nhập WTO..* <http://www.anninhthudo.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=16624&ChannelID=3>
13. А. Зиновьев. *Что мы теряем? Сегодня западноевропейская цивилизация находится в серьезной опасности*. Литературная газета. № 11-12, 22-28/3/2006.
14. Киплинг Редъярд (Rudyard Kipling). *The Ballad of East and West*. www.kipling.info
15. *Lựa chọn thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam. Một khuôn khổ chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 2020*. (Báo cáo của các chuyên gia Harvard University về Việt Nam. 2/2008). http://docs.google.com/View?docid=dfwzjsv9_24c76nwqtx
16. Milanovic, Branko. *Globalization and the Corrupt States*. YaleGlobal, 2 November 2007. <http://yaleglobal.yale.edu/display.article?id=9920>
17. Ngọc Minh. *Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo?*

- <http://www.nld.com.vn/tintuc/chinh-tri-xa-hoi/212440.asp/>
18. Mỹ: giàu càng giàu, nghèo càng nghèo.
<http://www.vtc.vn/quocte/thegioido-day-165754/index.htm>
 19. Nhiều tác giả. *Tranh luận để đồng thuận*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2006.
 20. Hồ Sĩ Quý. *Bí ẩn châu Á trong tám gương triết học châu Á*. Triết học, 6/2004.
 21. Sen, Amartya. *Freedom's market*.
http://observer.guardian.co.uk/comment/story/0,336125,00.html#article_continue
 22. Tillinac Denis. *Les masques de l'éphémère*. Éd La Table Ronde, 1999.
 23. The World Social Forum (WSF)
<http://www.wsfindia.org/?q=node/2>
 24. *The Globalization Index 2007*. Xem:
http://www.foreignpolicy.com/story/cms.php?story_id=3995&page=0 (Website của tạp chí Foreign Policy Nov.- Dec./2007.)
 25. Quốc Trung. FDI toàn cầu đạt kỷ lục.
<http://tintuonline.vietnamnet.vn/vn/kinhte/181429>
 26. UNDP. *Human Development Report 2005*.
 27. Nguyễn Lưu Viên. *Trung Quốc đã thức dậy rồi... thế giới có run sợ chưa*.
<http://vietnamlibrary.informe.com/trung-qu-c-no-th-c-d-y-r-ei-a-b-s-nguy-an-l-u-vi-dt230.html>
 28. WEF và WSF: Cuộc đối đầu của hai diễn đàn thế giới (04:23' 21/01/2007 (GMT+7).
<http://www.vnn.vn/kinhte/2007/01/655988/>